

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN ĐỊA KHỐI 10

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cơ cấu thành phần kinh tế phản ánh được rõ rệt điều gì sau đây?

- A. Trình độ phân công lao động xã hội.
- B. Trình độ phát triển lực lượng sản xuất.
- C. Việc sử dụng lao động theo ngành.
- D. Việc sở hữu kinh tế theo thành phần.

Câu 2. Đặc điểm nổi bật về cơ cấu ngành kinh tế của các nước phát triển là

- A. nông - lâm - ngư nghiệp rất nhỏ, dịch vụ rất lớn.
- B. dịch vụ rất lớn, công nghiệp - xây dựng rất nhỏ.
- C. công nghiệp - xây dựng rất lớn, dịch vụ rất nhỏ.
- D. nông - lâm - ngư nghiệp rất lớn, dịch vụ rất nhỏ.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây là quan trọng nhất đối với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.?

- A. Đất là tư liệu sản xuất chủ yếu.
- B. Đối tượng là cây trồng, vật nuôi.
- C. Sản xuất có đặc tính là mùa vụ.
- D. Sản xuất phụ thuộc vào tự nhiên.

Câu 4. Đặc điểm sinh thái của cây lúa gạo là ưa khí hậu

- A. nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước.
- B. ẩm, khô, đất đai màu mỡ, nhiều phân bón.
- C. nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, phù sa.
- D. nóng, thích nghi với sự dao động khí hậu.

Câu 5. Vai trò quan trọng của rừng đối với môi trường là

- A. điều hòa lượng nước trên mặt đất.
- B. cung cấp lâm sản phục vụ sản xuất.
- C. cung cấp các dược liệu chữa bệnh.
- D. nguồn gen rất quý giá của tự nhiên.

Câu 6. Phương thức chăn thả gia súc thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

- A. Đồng cỏ tự nhiên.
- B. Phụ phẩm thủy sản.
- C. Hoa màu, lương thực.
- D. Chế biến tổng hợp.

Câu 7. Vai trò của hình thức trang trại là

- A. thúc đẩy liên kết kinh tế trong sản xuất.
- B. thúc đẩy nông nghiệp sản xuất hàng hóa.
- C. thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ.
- D. thực hiện công nghiệp hóa vùng nông thôn.

Câu 8. Vai trò của vùng nông nghiệp là

- A. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.
- B. thúc đẩy nông nghiệp sản xuất hàng hóa.
- C. thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ.
- D. thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.

Câu 9. Đặc điểm của hình thức tổ chức lãnh thổ vùng nông nghiệp là

- A. sản xuất nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của gia đình.
- B. chủ yếu là sản xuất hàng hoá, quy mô đất đai và vốn lớn.
- C. ra đời dựa trên tinh thần tự nguyện của các hộ nông dân.
- D. gồm các địa phương tương tự nhau về điều kiện sinh thái.

Câu 10. Đặc điểm của hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp trang trại là

- A. sản xuất nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của gia đình.
- B. chủ yếu là sản xuất hàng hoá, quy mô đất đai và vốn lớn.
- C. có mối liên kết giữa cơ sở sản xuất và công nghiệp chế biến.
- D. gồm các địa phương tương tự nhau về điều kiện sinh thái.

Câu 11. Đường lối chính sách ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất công nghiệp?

- A. Cơ sở cung cấp vật liệu xây dựng và nguyên liệu cho công nghiệp.
- B. Lựa chọn vị trí, hướng chuyên môn hóa trong sản xuất công nghiệp.
- C. Xu hướng phát triển, các hình thức tổ chức lãnh thổ ngành công nghiệp.
- D. Làm xuất hiện các ngành mới, thay đổi trong phân bố ngành công nghiệp.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây đúng với cơ cấu lãnh thổ?

- A. Là sự phân hóa về điều kiện tự nhiên theo lãnh thổ.
- B. Là sản phẩm của phân công lao động theo lãnh thổ.
- C. Là khả năng thu hút vốn đầu tư theo lãnh thổ.
- D. Là sự phân bố dân cư theo không gian lãnh thổ.

Câu 13. Nguồn thức ăn **không** ảnh hưởng nhiều đến

- A. cơ cấu vật nuôi.
- C. phân bố chăn nuôi.

- B. hình thức chăn nuôi.
- D. giống các vật nuôi.

Câu 14. Ngành nông nghiệp, lâm, thủy sản có vai trò

- A. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
- B. cung cấp thiết bị, máy móc cho con người
- C. cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế
- D. sản xuất ra của cải vật chất rất lớn cho xã hội.

Câu 15. Nhân tố làm thay đổi quy trình công nghệ, sử dụng năng lượng tái tạo trong công nghiệp là

- A. dân cư và lao động.
- C. thị trường tiêu thụ.
- B. khoa học – công nghệ.
- D. chính sách của nhà nước.

Câu 16. Vai trò của công nghiệp đối với đời sống người dân là

- A. thúc đẩy nhiều ngành phát triển.
- B. tạo việc làm mới, tăng thu nhập.
- C. làm thay đổi phân công lao động.
- D. khai thác hiệu quả các tài nguyên.

Câu 17. Sản xuất công nghiệp khác biệt với sản xuất nông nghiệp ở

- A. tính chất tập trung cao độ.
- C. sự phụ thuộc vào tự nhiên.
- B. có bao gồm nhiều ngành.
- D. sự phân tán về không gian.

Câu 18. Công nghiệp điện lực tập trung chủ yếu ở các nước phát triển do

- A. nguồn nguyên, nhiên liệu phong phú.
- C. tạo ra được nhiều loại hàng hóa thông dụng.
- B. nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.
- D. nhu cầu của nền kinh tế và mức sống cao.

Câu 19. Công nghiệp thế giới hiện nay chú trọng

- A. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.
- C. phát triển các ngành công nghệ cao.
- B. giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.
- D. phân bố đều khắp ở các địa phương.

Câu 20. Công nghiệp điện tử - tin học là ngành cần

- A. nhiều diện tích rộng.
- C. lao động trình độ cao.
- B. nhiều kim loại, điện.
- D. tài nguyên thiên nhiên.

Câu 21. Đặc điểm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là

- A. không tiêu thụ nhiều kim loại, điện và nước.
- C. chi phí vận tải và vốn đầu tư không nhiều.
- B. vốn đầu tư nhiều, quy trình sản xuất phức tạp.
- D. đòi hỏi lực lượng lao động trẻ, có trình độ.

Câu 22. Giao thông vận tải, thông tin liên lạc, tài chính bảo hiểm...thuộc nhóm dịch vụ

- A. công.
- C. tiêu dùng.
- B. kinh doanh.
- D. sản xuất.

Câu 23. Văn hóa, lịch sử có ảnh hưởng đến

- A. hiệu quả các ngành dịch vụ.
- C. hình thức tổ chức mạng lưới dịch vụ.
- B. mức độ tập trung ngành dịch vụ.
- D. trình độ phát triển ngành dịch vụ.

Câu 24. Yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn các nhà máy, các khu công nghiệp và khu chế xuất là

- A. khoáng sản.
- C. vị trí địa lý.
- B. nguồn nước.
- D. khí hậu.

Câu 25. Cơ cấu sử dụng năng lượng hiện nay có sự thay đổi theo hướng tập trung tăng tỉ trọng

- A. củi gỗ.
- B. than đá.
- C. dầu khí.
- D. năng lượng mới.

Câu 26. Ngành dịch vụ phát triển mạnh có vai trò như thế nào đối với phát triển kinh tế?

- A. Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.
- B. Sử dụng tốt hơn nguồn lao động ngoài nước.
- C. Phân bố lại dân cư giữa các vùng lãnh thổ.
- D. Thu hút dân cư từ thành thị về nông thôn.

Câu 27. Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến việc đầu tư bổ sung lao động cho ngành dịch vụ?

- A. Trình độ phát triển kinh tế.
- B. Quy mô và cơ cấu dân số.
- C. Mức sống và thu nhập thực tế.
- D. Phân bố và mạng lưới dân cư.

Câu 28. Công nghiệp hàng tiêu dùng chịu ảnh hưởng lớn của các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

- A. Nhiên liệu, thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu.
- B. Lao động, thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu.
- C. Năng lượng, thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu.
- D. Thiết bị sản xuất, thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu.

Câu 29. Vai trò của giao thông vận tải đối với đời sống nhân dân là

- A. tạo các mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương.
- B. phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong và ngoài nước.
- C. tạo nên mối giao lưu kinh tế giữa các nước trên thế giới.
- D. góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế, văn hóa ở vùng xa.

Câu 30. Khía cạnh nào sau đây của giao thông vận tải **không** chịu tác động chủ yếu của điều kiện tự nhiên?

- A. Sự có mặt một số loại hình vận tải.
- B. Vai trò của một số loại hình vận tải.
- C. Thiết kế các công trình giao thông.
- D. Sự phân bố các tuyến giao thông.

Câu 31. Đối với giao thông vận tải, các ngành kinh tế vừa

- A. yêu cầu về khối lượng vận tải, vừa xây dựng đường sá.
- B. yêu cầu về tốc độ vận chuyển, vừa xây dựng cầu cống.
- C. khách hàng về cự li, vừa trang bị các loại phương tiện.
- D. khách hàng, vừa trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật vận tải.

Câu 32: Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố giao thông vận tải là

- A. khí hậu.
- B. vốn đầu tư.
- C. dân cư – lao động.
- D. khoa học – công nghệ.

Câu 33: Vai trò của dịch vụ đối với xã hội là

- A. thúc đẩy phát triển công nghiệp và nông nghiệp.
- B. tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.
- C. giúp khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên nhiên.
- D. góp phần tạo ra các cảnh quan văn hóa hấp dẫn.

Câu 34. Các hoạt động bán buôn bán lẻ, du lịch, các dịch vụ cá nhân như y tế, giáo dục, thể dục thể thao thuộc về nhóm ngành

- A. dịch vụ cá nhân.
- B. dịch vụ kinh doanh.
- C. dịch vụ tiêu dùng.
- D. dịch vụ công.

Câu 35. Vai trò nào sau đây **không** đúng với ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản?

- A. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
- B. Cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp.
- C. Tạo ra nhiều máy móc, thiết bị cho sản xuất.
- D. Tạo ra các mặt hàng xuất khẩu thu ngoại tệ.

Câu 36. Vai trò của công nghiệp đối với đời sống người dân là

- A. thúc đẩy nhiều ngành phát triển.
- B. tạo việc làm mới, tăng thu nhập.
- C. làm thay đổi phân công lao động.
- D. khai thác hiệu quả các tài nguyên.

Câu 37. Chỉ số GNI/người **không** có ý nghĩa trong

- A. phản ánh trình độ phát triển kinh tế của các quốc gia.
- B. các tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng cuộc sống.
- C. việc so sánh mức sống của dân cư các nước khác nhau.
- D. xác định tốc độ tăng trưởng và cơ cấu của nền kinh tế.

Câu 38. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản **không** có vai trò

- A. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
- B. bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm.
- C. sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu.
- D. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất cho các ngành.

Câu 39. Chức năng của giao thông vận tải là

- A. con người và sản phẩm vật chất do con người tạo ra.
- B. chuyên chở người và hàng hoá nơi này đến nơi khác.
- C. những tuyến đường giao thông ở trong và ngoài nước.
- D. các đầu mối giao thông đường bộ, hàng không, sông.

Câu 40. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vai trò của ngành chăn nuôi?

- A. Cung cấp cho người các thực phẩm có dinh dưỡng cao.
- B. Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến.
- C. Cung cấp lương thực nhằm đảm bảo đời sống nhân dân.
- D. Cung cấp nguồn phân bón, sức kéo cho ngành trồng trọt.

Câu 41. Thị trường ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất công nghiệp?

- A. Cơ sở cung cấp vật liệu xây dựng và nguyên liệu cho công nghiệp.
- B. Lựa chọn vị trí, hướng chuyên môn hóa trong sản xuất công nghiệp.
- C. Quy mô, cơ cấu và tổ chức các xí nghiệp trong ngành công nghiệp.
- D. Chi phối việc lựa chọn kỹ thuật và công nghệ sản xuất của công nghiệp.

Câu 42. Vai trò quan trọng của công nghiệp điện lực là

- A. cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại.
- B. tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá.
- C. nguyên liệu cơ bản cho ngành chế tạo máy.
- D. giải quyết các nhu cầu về sinh hoạt, may mặc.

Câu 43. Nhân tố khoa học – công nghệ ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ là

- A. phát triển các ngành có hàm lượng chất xám cao.
- B. phát triển và phân bố loại hình dịch vụ du lịch.
- C. Quyết định sự phân bố, qui mô, tính đa dạng.
- D. phát triển thương mại và sự phân bố loại hình.

Câu 44. Chức năng của giao thông vận tải là

- A. con người và sản phẩm vật chất do con người tạo ra.
- B. chuyên chở người và hàng hoá nơi này đến nơi khác.
- C. những tuyến đường giao thông ở trong và ngoài nước.
- D. các đầu mối giao thông đường bộ, hàng không, sông.

Câu 45. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nền nông nghiệp hiện đại?

- A. Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp.
- B. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nông nghiệp đặc sản.
- C. Phát triển mạnh thị trường tiêu thụ nông sản cả trong nước, thu ngoại tệ.
- D. Quản trị nông nghiệp trên nền tảng của công nghệ số, công nghệ 4.0.

Câu 46: Ưu điểm của giao thông vận tải đường biển là.

- A. tiện lợi, cơ động, phù hợp được với các kiểu địa hình.
- B. tốc độ cao, có nhiều ưu việt trong vận tải hành khách.
- C. vận tải hàng nặng trên đường dài, giá rẻ, khá an toàn.
- D. vận chuyển hàng nặng, tốc độ nhanh ở địa hình phẳng.

Câu 47: Ngành công nghiệp thường gắn chặt với nông nghiệp là

- A. thực phẩm.
- B. cơ khí.
- C. năng lượng.
- D. hóa chất.

Câu 48: Năng lượng nào sau đây là nguồn năng lượng tái tạo?

- A. Điện hạt nhân.
- B. Điện than đá.
- C. Nhiệt điện.
- D. Điện thủy triều.

Câu 49: Ưu điểm của ngành vận tải đường ô tô là

- A. trẻ, tốc độ cao, đóng vai trò đặc biệt trong vận tải hành khách quốc tế.
- B. vận tải được hàng nặng trên đường xa với tốc độ nhanh, ổn định, giá rẻ.
- C. tiện lợi, cơ động và có khả năng thích nghi với các điều kiện địa hình.
- D. rẻ, thích hợp với hàng nặng, cồng kềnh; không yêu cầu chuyển nhanh.

Câu 50. Giá rẻ, thích hợp với việc chuyên chở các hàng hóa nặng, cồng kềnh, không cần nhanh là ưu điểm của ngành vận tải

- A. đường sắt.
- B. đường sông.
- C. đường biển.
- D. đường ô tô.

Câu 51. Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với

- A. trung tâm công nghiệp.
- B. ngành kinh tế mũi nhọn.
- C. sự phân bố dân cư.
- D. ngành kinh tế trọng điểm.

Câu 52. Nơi nào sau đây có cả ba loại hình dịch vụ sản xuất, tiêu dùng, công cộng đều phát triển mạnh mẽ?

- A. Nông thôn.
- B. Đô thị.
- C. Hải đảo.
- D. Miền núi.

Câu 53. Xu hướng phát triển công nghiệp thế giới hiện nay **không** phải là

- A. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.
- B. tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
- C. phát triển các ngành có kĩ thuật cao.
- D. sản xuất chú trọng tăng trưởng xanh.

Câu 54. Nhân tố ảnh hưởng đến sự đa dạng của các ngành công nghiệp là

- A. vốn và thị trường.
- B. liên kết và hợp tác.
- C. vị trí địa lí.
- D. tài nguyên thiên nhiên.

Câu 55. Nhân tố nào sau đây có tác động quyết định đối với sự phát triển, phân bố và hoạt động của ngành giao thông vận tải?

- A. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân.
- B. Quy mô với cơ cấu dân số và sự phân bố điểm dân cư.
- C. Sự phát triển các trung tâm và vùng công nghiệp lớn.
- D. Quy mô các điểm, khu, trung tâm và vùng công nghiệp.

Câu 56. Vai trò của công nghiệp đối với đời sống người dân là

- A. thúc đẩy nhiều ngành phát triển.
- B. tạo việc làm mới, tăng thu nhập.
- C. làm thay đổi phân công lao động.
- D. khai thác hiệu quả các tài nguyên.

Câu 57: Tư liệu sản xuất chủ yếu, không thể thiếu trong sản xuất công nghiệp là

- A. qui mô đất đai.
- B. máy móc, thiết bị.
- C. khoáng sản.
- D. cây trồng, vật nuôi.

Câu 58. Vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp là

- A. gắn với thị trường các địa phương và các vùng.
- B. thúc đẩy chuyên môn hóa trong nông nghiệp.
- C. tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho lao động.
- D. đẩy mạnh công nghiệp chế biến, tăng xuất khẩu.

Câu 59. Quan niệm về tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

- A. sử dụng hợp lí, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.
- B. đẩy mạnh công nghiệp chế biến, tăng năng suất.
- C. đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường.
- D. giảm thiểu tác động của tự nhiên đến nông nghiệp.

Câu 60. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi đã có tiến bộ vượt bậc nhờ vào

- A. kinh nghiệm trong sản xuất.
- B. công nghiệp chế biến thức ăn.
- C. giống cây trồng năng suất cao.
- D. thuận lợi về khí hậu, nguồn nước.

Câu 61. Phần lớn thức ăn của ngành chăn nuôi đều lấy từ nguồn nào sau đây?

- A. Tự nhiên.
- B. Trồng trọt.
- C. Công nghiệp.
- D. Thủy sản.

Câu 62. Phản ánh tính chất và trình độ phát triển kinh tế là

- A. cơ cấu ngành kinh tế.
- B. cơ cấu thành phần kinh tế.
- C. cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
- D. cơ cấu dân số theo lao động.

Câu 63. Cơ cấu thành phần kinh tế gồm

- A. khu vực kinh tế trong nước, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ.
- B. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, nông - lâm - ngư nghiệp.
- C. khu vực kinh tế trong nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, công nghiệp - xây dựng.

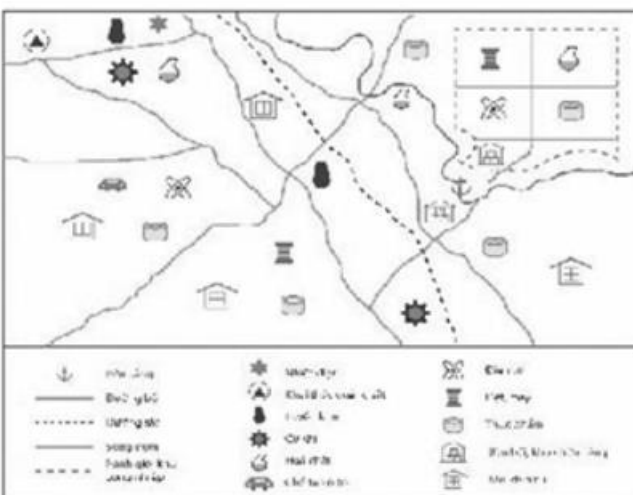
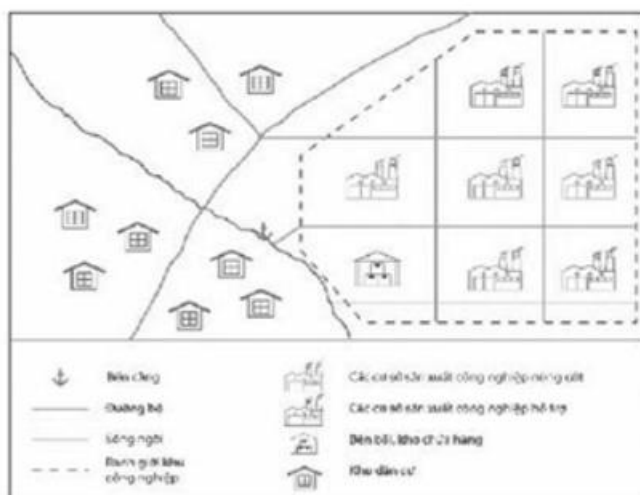
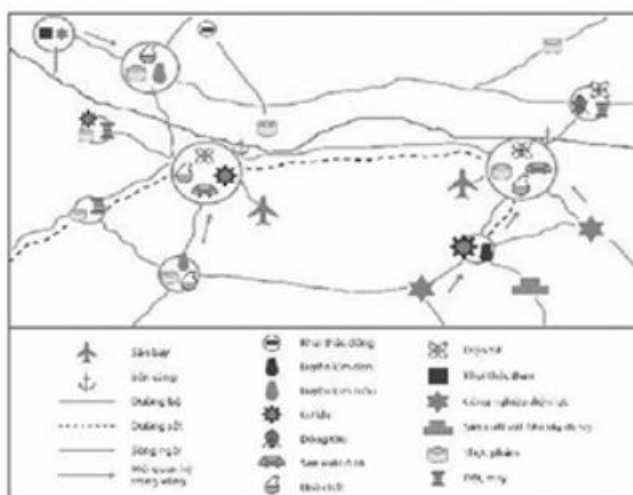
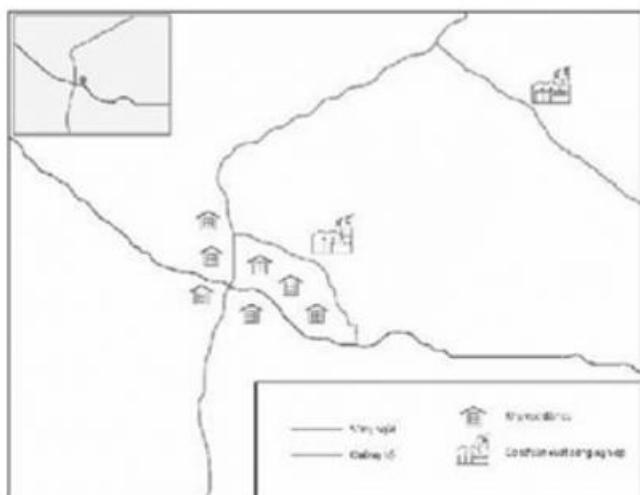
Câu 64. Nhân tố khoa học – công nghệ ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp là

- A. thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp.
- B. tác động đến thị trường tiêu thụ.
- C. xây dựng thương hiệu sản phẩm.
- D. xuất hiện nhiều ngành mới.

Câu 65. Mục đích chủ yếu của trang trại là sản xuất hàng hóa với cách thức tổ chức và quản lí sản xuất tiến bộ dựa trên

- A. Tập quán canh tác cổ truyền.
- B. Chuyên môn hóa và thâm canh.
- C. Công cụ thủ công và sức người.
- D. Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tại chỗ.

XÁC ĐỊNH CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP



BÀI 31

TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP. TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP.

I. Quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp

1. Quan niệm:

Là hệ thống các mối liên kết không gian của các ngành và sự kết hợp sản xuất trong lãnh thổ trên cơ sở khai thác lợi thế về vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động, thị trường tiêu thụ, thành tựu khoa học - công nghệ,... nhằm đạt được hiệu quả cao nhất về kinh tế - xã hội - môi trường và đảm bảo an ninh quốc phòng.

2. Vai trò:

+ Góp phần sử dụng một cách hợp lí các nguồn lực về vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia đồng thời thu hút nguồn lực từ bên ngoài.

+ Góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở các nước đang phát triển.

II. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp

Hình thức	Vai trò	Đặc điểm
Điểm công nghiệp	- Là đơn vị cơ sở cho các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp khác. - Giải quyết việc làm tại địa phương. - Đóng góp vào nguồn thu của địa phương. - Góp phần thực hiện công nghiệp hoá tại địa phương.	- Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đơn giản nhất, cơ sở sản xuất công nghiệp nằm trong hoặc xa điểm dân cư. - Phân bố gần nguồn nguyên - nhiên liệu. - Giữa các cơ sở sản xuất công nghiệp không có hoặc có rất ít có mối liên hệ với nhau.
Khu công nghiệp	- Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. - Thúc đẩy chuyển giao công nghệ hiện đại. - Giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn lao động. - Tạo nguồn hàng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.	- Ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống. - Phân bố thuận lợi cho vận chuyển hàng hoá và liên hệ với bên ngoài. - Tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp, sử dụng chung cơ sở hạ tầng sản xuất; hưởng quy chế riêng, ưu đãi về sử dụng đất, thuế quan; ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất; khả năng hợp tác sản xuất cao. - Có các cơ sở sản xuất công nghiệp nòng cốt và hỗ trợ. - Các hình thức khác: đặc khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, công viên khoa học,...
Trung tâm công nghiệp	- Góp phần định hình hướng chuyên môn hoá cho vùng lãnh thổ và tạo động lực phát triển cho khu vực phụ cận.	- Là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở trình độ cao, gắn với các đô thị vừa và lớn, có vị trí địa lí thuận lợi. - Bao gồm: khu công nghiệp, điểm công nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp. Có mối liên hệ chặt chẽ với nhau về sản xuất, kĩ thuật, công nghệ.

		- Gồm nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc nhiều ngành khác nhau, có các cơ sở sản xuất công nghiệp nông cốt và bổ trợ.
Vùng công nghiệp	- Thúc đẩy hướng chuyên môn hoá cho vùng lãnh thổ. - Khai thác có hiệu quả các nguồn lực theo lãnh thổ.	- Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp cao nhất. - Không gian rộng lớn, gồm nhiều điểm công nghiệp, khu công nghiệp và trung tâm công nghiệp có mối liên hệ mật thiết với nhau trong sản xuất. - Có các nhân tố tạo vùng tương đồng - Có vài ngành công nghiệp chủ yếu, tạo nên hướng chuyên môn hoá của vùng.

III. Tác động của công nghiệp tới môi trường và định hướng phát triển ngành công nghiệp trong tương lai

1. Tác động của công nghiệp tới môi trường

* Tích cực: tạo ra các máy móc, thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại để dự báo và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

* Tiêu cực:

- Ô nhiễm môi trường nước và môi trường không khí.
- Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn.
- Ô nhiễm môi trường do sản phẩm công nghiệp sau khi sử dụng.
- Tình trạng cạn kiệt một số nguồn tài nguyên thiên nhiên.

=> Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo là cần thiết (năng lượng từ mặt trời, gió, sóng biển, thủy triều,...)

2. Định hướng phát triển ngành công nghiệp trong tương lai

- Chuyển dần từ công nghiệp truyền thống sang công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật - công nghệ cao.
- Sự phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp tác động mạnh mẽ đến sự liên kết và phát triển công nghiệp theo ngành, theo vùng.
- Hoạt động gắn với sự khai thác hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Phát triển theo hướng công nghiệp xanh, hạn chế phát thải khí CO₂ và các chất độc hại ra môi trường.